

HƯỚNG DẪN ÔN TẬP**MÔN: TIN HỌC – LỚP 11**

Dành cho học sinh xin chuyển đổi tổ hợp môn học và các cụm chuyên đề học tập lựa chọn

A. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

Chủ đề (1)	STT (2)	Tên bài (3)	Yêu cầu cần đạt (4)
CHỦ ĐỀ 1: MÁY TÍNH VÀ XÃ HỘI TRI THỨC	1	BÀI 1: HỆ ĐIỀU HÀNH	<p>1. Kiến thức:</p> <ul style="list-style-type: none"> Trình bày được sơ lược lịch sử phát triển của các hệ điều hành thông dụng cho PC Chỉ ra được một số đặc điểm của hệ điều hành cho thiết bị di động. Trình bày được một cách khái quát mối quan hệ giữa phần cứng, hệ điều hành và phần mềm ứng dụng cũng như vai trò của mỗi thành phần trong hoạt động chung của cả hệ thống. <p>2. Năng lực:</p> <p>- Năng lực chung:</p> <ul style="list-style-type: none"> Giải quyết được những nhiệm vụ học tập một cách độc lập, theo nhóm và thể hiện sự sáng tạo. Góp phần phát triển năng lực giao tiếp và hợp tác qua hoạt động nhóm và trao đổi công việc với giáo viên. <p>- Năng lực riêng:</p> <ul style="list-style-type: none"> HS được phát triển tư duy và khả năng giải quyết được vấn đề, năng lực giao tiếp, hợp tác, sáng tạo, tự chủ và tự học. <p>3. Phẩm chất: Nghiêm túc, tập trung, tích cực chủ động.</p>
	2	BÀI 2 THỰC HÀNH SỬ DỤNG HỆ ĐIỀU HÀNH	<p>1. Kiến thức:</p> <ul style="list-style-type: none"> Sử dụng được một số chức năng cơ bản của hệ điều hành cho máy tính cá nhân Sử dụng được một vài tiện ích của hệ điều hành nâng cao hiệu quả của máy tính cá nhân Sử dụng được một vài tiện ích cơ bản của hệ điều hành trên thiết bị di động <p>2. Năng lực:</p> <p>- Năng lực chung:</p> <ul style="list-style-type: none"> Giải quyết được những nhiệm vụ học tập một cách độc lập, theo nhóm và thể hiện sự sáng tạo. Góp phần phát triển năng lực giao tiếp và hợp tác qua hoạt động nhóm và trao đổi công việc với giáo viên.

			<p>- Năng lực riêng:</p> <ul style="list-style-type: none"> HS được phát triển tư duy và khả năng giải quyết được vấn đề, năng lực giao tiếp, hợp tác, sáng tạo, tự chủ và tự học. <p>3. Phẩm chất: Nghiêm túc, tập trung, tích cực chủ động</p>
3		<p>BÀI 3: PHẦN MỀM NGUỒN MỞ VÀ PHẦN MỀM CHẠY TRÊN INTERNET</p>	<p>1. Kiến thức:</p> <ul style="list-style-type: none"> Trình bày được một số khái niệm và so sánh phần mềm nguồn mở với phần mềm thương mại; nêu được vai trò của phần mềm nguồn mở và phần mềm thương mại đối với sự phát triển của công nghệ thông tin. Làm quen với phần mềm chạy trên Internet. <p>2. Năng lực:</p> <p>- Năng lực chung:</p> <ul style="list-style-type: none"> Giải quyết được những nhiệm vụ học tập một cách độc lập, theo nhóm và thể hiện sự sáng tạo. Góp phần phát triển năng lực giao tiếp và hợp tác qua hoạt động nhóm và trao đổi công việc với giáo viên. <p>- Năng lực riêng:</p> <ul style="list-style-type: none"> HS được phát triển tư duy và khả năng giải quyết được vấn đề, năng lực giao tiếp, hợp tác, sáng tạo, tự chủ và tự học. <p>3. Phẩm chất: Nghiêm túc, tập trung, tích cực chủ động</p>
4		<p>BÀI 4: BÊN TRONG MÁY TÍNH</p>	<p>1. Kiến thức:</p> <ul style="list-style-type: none"> Nhận diện được một số thiết bị trong thân máy với chức năng và các thông số đo hiệu năng của chúng. Nhận biết được sơ đồ của các mạch logic AND, OR, NOT và giải thích được vai trò của các mạch logic đó trong thực hiện các tính toán nhị phân <p>2. Năng lực:</p> <p>- Năng lực chung:</p> <p>- Năng lực chung:</p> <ul style="list-style-type: none"> Giải quyết được những nhiệm vụ học tập một cách độc lập, theo nhóm và thể hiện sự sáng tạo. Góp phần phát triển năng lực giao tiếp và hợp tác qua hoạt động nhóm và trao đổi công việc với giáo viên. <p>- Năng lực riêng:</p> <ul style="list-style-type: none"> HS được phát triển tư duy và khả năng giải quyết được vấn đề, năng lực giao tiếp, hợp tác, sáng tạo, tự chủ và tự học. <p>3. Phẩm chất: Nghiêm túc, tập trung, tích cực chủ động</p>

	5	BÀI 5: KẾT NỐI MÁY TÍNH VỚI CÁC THIẾT BỊ SỐ	<p>1. Kiến thức:</p> <ul style="list-style-type: none"> • Biết một số thông số cơ bản của thiết bị vào – ra thông dụng, cách kết nối với máy tính cũng như tùy chỉnh được một vài chức năng cơ bản để nâng cao hiệu quả và đáp ứng nhu cầu sử dụng. • Đọc hiểu và giải thích được một số thông số cơ bản của các thiết bị số thông dụng trong các tài liệu để kết nối chúng với máy tính. <p>2. Năng lực:</p> <p>- Năng lực chung:</p> <ul style="list-style-type: none"> • Giải quyết được những nhiệm vụ học tập một cách độc lập, theo nhóm và thể hiện sự sáng tạo. • Góp phần phát triển năng lực giao tiếp và hợp tác qua hoạt động nhóm và trao đổi công việc với giáo viên. <p>- Năng lực riêng:</p> <ul style="list-style-type: none"> • HS được phát triển tư duy và khả năng giải quyết được vấn đề, năng lực giao tiếp, hợp tác, sáng tạo, tự chủ và tự học. <p>3. Phẩm chất: Nghiêm túc, tập trung, tích cực chủ động.</p>
CHỦ ĐỀ 2 TỔ CHỨC LƯU TRỮ, TÌM KIẾM VÀ TRAO ĐỔI THÔNG TIN	6	BÀI 6: LƯU TRỮ VÀ CHIA SẺ TẬP TIN TRÊN INTERNET	<p>1. Kiến thức:</p> <p>* Sử dụng được một số công cụ trực tuyến như Google Drive hay Dropbox,... để lưu trữ và chia sẻ tập tin</p> <p>2. Năng lực:</p> <p>- Năng lực chung:</p> <ul style="list-style-type: none"> • Giải quyết được những nhiệm vụ học tập một cách độc lập, theo nhóm và thể hiện sự sáng tạo. • Góp phần phát triển năng lực giao tiếp và hợp tác qua hoạt động nhóm và trao đổi công việc với giáo viên. <p>- Năng lực riêng:</p> <ul style="list-style-type: none"> • HS được phát triển tư duy và khả năng giải quyết được vấn đề, năng lực giao tiếp, hợp tác, sáng tạo, tự chủ và tự học. <p>3. Phẩm chất: Nghiêm túc, tập trung, tích cực chủ động</p>
	7	BÀI 7: THỰC HÀNH TÌM KIẾM THÔNG TIN TRÊN INTERNET	<p>1. Kiến thức:</p> <ul style="list-style-type: none"> • Sử dụng được máy tìm kiếm trên PC và thiết bị số thông minh bằng cách gõ từ khóa hoặc bằng tiếng nói. • Xác lập được các lựa chọn theo tiêu chí tìm kiếm để nâng cao hiệu quả tìm kiếm thông tin <p>2. Năng lực:</p> <p>- Năng lực chung:</p>

			<ul style="list-style-type: none"> Giải quyết được những nhiệm vụ học tập một cách độc lập, theo nhóm và thể hiện sự sáng tạo. Góp phần phát triển năng lực giao tiếp và hợp tác qua hoạt động nhóm và trao đổi công việc với giáo viên. <p>- Năng lực riêng:</p> <ul style="list-style-type: none"> HS được phát triển tư duy và khả năng giải quyết được vấn đề, năng lực giao tiếp, hợp tác, sáng tạo, tự chủ và tự học. <p>3. Phẩm chất: Nghiêm túc, tập trung, tích cực chủ động.</p>
	8	<p align="center">BÀI 8</p> <p align="center">THỰC HÀNH</p> <p align="center">NÂNG CAO SỬ</p> <p align="center">DỤNG THỦ</p> <p align="center">ĐIỆN TỬ VÀ</p> <p align="center">MẠNG XÃ HỘI</p>	<p>1. Kiến thức:</p> <ul style="list-style-type: none"> Biết đánh dấu và phân loại thư điện tử Khai thác được một số chức năng nâng cao của mạng xã hội <p>2. Năng lực:</p> <p>- Năng lực chung:</p> <ul style="list-style-type: none"> Giải quyết được những nhiệm vụ học tập một cách độc lập, theo nhóm và thể hiện sự sáng tạo. Góp phần phát triển năng lực giao tiếp và hợp tác qua hoạt động nhóm và trao đổi công việc với giáo viên. <p>- Năng lực riêng:</p> <ul style="list-style-type: none"> HS được phát triển tư duy và khả năng giải quyết được vấn đề, năng lực giao tiếp, hợp tác, sáng tạo, tự chủ và tự học. <p>3. Phẩm chất: Nghiêm túc, tập trung, tích cực chủ động.</p>
	9	Ôn tập kiểm tra giữa HKI	Tổng hợp lại kiến thức chủ đề 1,2
	10	Kiểm tra giữa HKI	<ul style="list-style-type: none"> Biết khái niệm HĐH Phân biệt được phần mềm nguồn mở và phần mềm thương mại Kết nối được máy tính với các thiết bị số thông dụng
<p align="center">CHỦ ĐỀ 3</p> <p align="center">ĐẠO ĐỨC,</p> <p align="center">PHÁP LUẬT</p> <p align="center">VÀ VĂN</p> <p align="center">HÓA</p> <p align="center">TRONG</p> <p align="center">MÔI</p> <p align="center">TRƯỜNG</p> <p align="center">SỐ</p>	11	<p align="center">BÀI 9: GIAO</p> <p align="center">TIẾP AN TOÀN</p> <p align="center">TRÊN</p> <p align="center">INTERNET</p>	<p>1. Kiến thức:</p> <ul style="list-style-type: none"> Nêu được một số dạng lừa đảo phổ biến trên không gian số và những biện pháp phòng tránh. Biết giao tiếp một cách văn minh, phù hợp với các quy tắc và văn hoá ứng xử trong môi trường số. <p>2. Năng lực:</p> <p>- Năng lực chung:</p> <ul style="list-style-type: none"> Giải quyết được những nhiệm vụ học tập một cách độc lập, theo nhóm và thể hiện sự sáng tạo. Góp phần phát triển năng lực giao tiếp và hợp tác qua hoạt động nhóm và trao đổi công việc với giáo viên. <p>- Năng lực riêng:</p> <ul style="list-style-type: none"> HS được phát triển tư duy và khả năng giải quyết được vấn đề, năng lực giao tiếp, hợp tác, sáng tạo, tự chủ và tự học.

			<p>3. Phẩm chất: Nghiêm túc, tập trung, tích cực chủ động</p>
<p>CHỦ ĐỀ 4 GIỚI THIỆU CÁC HỆ CƠ SỞ DỮ LIỆU</p>	12	<p>BÀI 10 LƯU TRỮ DỮ LIỆU VÀ KHAI THÁC THÔNG TIN PHỤC VỤ QUẢN LÝ</p>	<p>1. Kiến thức: Biết được sự cần thiết phải lưu trữ dữ liệu và khai thác thông tin từ dữ liệu lưu trữ cho các bài toán quản lý.</p> <p>2. Năng lực:</p> <p>- Năng lực chung:</p> <ul style="list-style-type: none"> Giải quyết được những nhiệm vụ học tập một cách độc lập, theo nhóm và thể hiện sự sáng tạo. Góp phần phát triển năng lực giao tiếp và hợp tác qua hoạt động nhóm và trao đổi công việc với giáo viên. <p>- Năng lực riêng:</p> <ul style="list-style-type: none"> HS được phát triển tư duy và khả năng giải quyết được vấn đề, năng lực giao tiếp, hợp tác, sáng tạo, tự chủ và tự học. <p>3. Phẩm chất: Nghiêm túc, tập trung, tích cực chủ động</p>
	13	<p>BÀI 11: CƠ SỞ DỮ LIỆU</p>	<p>1. Kiến thức: SAU BÀI HỌC NÀY EM SẼ:</p> <p>- Hiểu được khái niệm và các thuộc tính cơ bản của cơ sở dữ liệu.</p> <p>2. Năng lực:</p> <p>- Năng lực chung:</p> <ul style="list-style-type: none"> Giải quyết được những nhiệm vụ học tập một cách độc lập, theo nhóm và thể hiện sự sáng tạo. Góp phần phát triển năng lực giao tiếp và hợp tác qua hoạt động nhóm và trao đổi công việc với giáo viên. <p>- Năng lực riêng:</p> <ul style="list-style-type: none"> HS được phát triển tư duy và khả năng giải quyết được vấn đề, năng lực giao tiếp, hợp tác, sáng tạo, tự chủ và tự học. <p>3. Phẩm chất: Nghiêm túc, tập trung, tích cực chủ động.</p>
	14	<p>BÀI 12: HỆ QUẢN TRỊ CƠ SỞ DỮ LIỆU VÀ HỆ CƠ SỞ DỮ LIỆU</p>	<p>1. Kiến thức: SAU BÀI HỌC NÀY EM SẼ</p> <ul style="list-style-type: none"> Hiểu được khái niệm hệ quản trị CSDL Hiểu được khái niệm hệ CSDL. Phân biệt được CSDL tập trung và CSDL phân tán. <p>2. Năng lực:</p> <p>- Năng lực chung:</p> <ul style="list-style-type: none"> Giải quyết được những nhiệm vụ học tập một cách độc lập, theo nhóm và thể hiện sự sáng tạo.

		<ul style="list-style-type: none"> Góp phần phát triển năng lực giao tiếp và hợp tác qua hoạt động nhóm và trao đổi công việc với giáo viên. <p>- Năng lực riêng:</p> <ul style="list-style-type: none"> HS được phát triển tư duy và khả năng giải quyết được vấn đề, năng lực giao tiếp, hợp tác, sáng tạo, tự chủ và tự học. <p>3. Phẩm chất: Nghiêm túc, tập trung, tích cực chủ động.</p>
15	BÀI 13: CƠ SỞ DỮ LIỆU QUAN HỆ	<p>1. Kiến thức:</p> <p>Sau bài học này em sẽ:</p> <ul style="list-style-type: none"> Hiểu được mô hình CSDL quan hệ Hiểu được các thuật ngữ và khái niệm liên quan: bản ghi, trường (thuộc tính), khóa, khóa chính, khóa ngoài, liên kết dữ liệu. <p>2. Năng lực:</p> <p>- Năng lực chung:</p> <ul style="list-style-type: none"> Giải quyết được những nhiệm vụ học tập một cách độc lập, theo nhóm và thể hiện sự sáng tạo. Góp phần phát triển năng lực giao tiếp và hợp tác qua hoạt động nhóm và trao đổi công việc với giáo viên. <p>- Năng lực riêng:</p> <ul style="list-style-type: none"> HS được phát triển tư duy và khả năng giải quyết được vấn đề, năng lực giao tiếp, hợp tác, sáng tạo, tự chủ và tự học. <p>3. Phẩm chất: Nghiêm túc, tập trung, tích cực chủ động</p>
16	BÀI 14: SQL – NGÔN NGỮ TRUY VẤN CÓ CẤU TRÚC	<p>1. Kiến thức:</p> <ul style="list-style-type: none"> ❖ Hiểu được ở mức nguyên lí: CSDL và các bảng được tạo lập, được thêm mới, được cập nhật và truy xuất dữ liệu qua SQL <p>2. Năng lực:</p> <p>- Năng lực chung:</p> <ul style="list-style-type: none"> Giải quyết được những nhiệm vụ học tập một cách độc lập, theo nhóm và thể hiện sự sáng tạo. Góp phần phát triển năng lực giao tiếp và hợp tác qua hoạt động nhóm và trao đổi công việc với giáo viên. <p>- Năng lực riêng:</p> <ul style="list-style-type: none"> HS được phát triển tư duy và khả năng giải quyết được vấn đề, năng lực giao tiếp, hợp tác, sáng tạo, tự chủ và tự học. <p>3. Phẩm chất: Nghiêm túc, tập trung, tích cực chủ động</p>

	17	BÀI 15: BẢO MẬT VÀ AN TOÀN HỆ CƠ SỞ DỮ LIỆU	<p>1. Kiến thức:</p> <p>SAU BÀI HỌC NÀY EM SẼ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hiểu được tầm quan trọng và một số biện pháp bảo vệ hệ CSDL <p>2. Năng lực:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Năng lực chung: <ul style="list-style-type: none"> • Giải quyết được những nhiệm vụ học tập một cách độc lập, theo nhóm và thể hiện sự sáng tạo. • Góp phần phát triển năng lực giao tiếp và hợp tác qua hoạt động nhóm và trao đổi công việc với giáo viên. - Năng lực riêng: <ul style="list-style-type: none"> • HS được phát triển tư duy và khả năng giải quyết được vấn đề, năng lực giao tiếp, hợp tác, sáng tạo, tự chủ và tự học. <p>3. Phẩm chất: Nghiêm túc, tập trung, tích cực chủ động</p>
CHỦ ĐỀ 5: HƯỚNG NGHIỆP VỚI TIN HỌC	18	BÀI 16: NGHỀ QUẢN TRỊ DỮ LIỆU	<p>1. Kiến thức:</p> <ul style="list-style-type: none"> ❖ Hiểu được các công việc cần thực hiện cùng các kiến thức và kỹ năng cần thiết để quản trị CSDL, các ngành học có liên quan và nhu cầu xã hội đối với công việc quản trị CSDL ❖ Có thể tìm kiếm, khai thác và trao đổi thông tin hướng nghiệp liên quan đến công việc quản trị CSDL <p>2. Năng lực:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Năng lực chung: <ul style="list-style-type: none"> • Giải quyết được những nhiệm vụ học tập một cách độc lập, theo nhóm và thể hiện sự sáng tạo. • Góp phần phát triển năng lực giao tiếp và hợp tác qua hoạt động nhóm và trao đổi công việc với giáo viên. - Năng lực riêng: <ul style="list-style-type: none"> • HS được phát triển tư duy và khả năng giải quyết được vấn đề, năng lực giao tiếp, hợp tác, sáng tạo, tự chủ và tự học. <p>3. Phẩm chất: Nghiêm túc, tập trung, tích cực chủ động</p>
	19	Ôn tập cuối kì 1	- Tổng hợp kiến thức chương 3, 4, 5
	20	Kiểm tra HKI	<ul style="list-style-type: none"> - Biết cách làm việc với CSDL - Biết giao tiếp an toàn trên Internet

CHỦ ĐỀ 6 THỰC HÀNH TẠO VÀ KHAI THÁC CƠ SỞ DỮ LIỆU	21	BÀI 17. QUẢN TRỊ CƠ SỞ DỮ LIỆU TRÊN MÁY TÍNH	<p>1. Kiến thức:</p> <p>SAU BÀI HỌC NÀY EM SẼ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Biết được lợi ích của việc quản trị CSDL trên máy tính. - Làm quen với MySQL và HeidiSQL- bộ công cụ hỗ trợ việc quản trị CSDL trên máy tính. <p>2. Năng lực:</p> <p>- Năng lực chung:</p> <ul style="list-style-type: none"> • Giải quyết được những nhiệm vụ học tập một cách độc lập, theo nhóm và thể hiện sự sáng tạo. • Góp phần phát triển năng lực giao tiếp và hợp tác qua hoạt động nhóm và trao đổi công việc với giáo viên. <p>- Năng lực riêng:</p> <ul style="list-style-type: none"> • HS được phát triển tư duy và khả năng giải quyết được vấn đề, năng lực giao tiếp, hợp tác, sáng tạo, tự chủ và tự học. <p>3. Phẩm chất: Nghiêm túc, tập trung, tích cực chủ động</p>
	22	BÀI 18 THỰC HÀNH XÁC ĐỊNH CẤU TRÚC BẢNG VÀ CÁC TRƯỜNG KHÓA	<p>1. Kiến thức:</p> <p>SAU BÀI HỌC NÀY EM SẼ</p> <p>+ Có được hình dung về công việc xác định các bảng dữ liệu, cấu trúc của chúng và các trường khoá trước khi bước vào tạo lập CSDL</p> <p>2. Năng lực:</p> <p>- Năng lực chung:</p> <ul style="list-style-type: none"> • Giải quyết được những nhiệm vụ học tập một cách độc lập, theo nhóm và thể hiện sự sáng tạo. • Góp phần phát triển năng lực giao tiếp và hợp tác qua hoạt động nhóm và trao đổi công việc với giáo viên. <p>- Năng lực riêng:</p> <ul style="list-style-type: none"> • HS được phát triển tư duy và khả năng giải quyết được vấn đề, năng lực giao tiếp, hợp tác, sáng tạo, tự chủ và tự học. <p>3. Phẩm chất: Nghiêm túc, tập trung, tích cực chủ động</p>
	23	BÀI 19 THỰC HÀNH TẠO LẬP CƠ SỞ DỮ LIỆU VÀ CÁC BẢNG	<p>1. Kiến thức:</p> <p>SAU BÀI HỌC NÀY EM SẼ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Biết tạo mới một CSDL, thực hiện thông qua giao diện của phần mềm khách quản trị CSDL HeidiSQL. - Tạo được các bảng không có khóa ngoài, chỉ định được khóa chính cho mỗi bảng, khoá cấm trùng lặp cho những trường không được có giá trị trùng lặp. <p>2. Năng lực:</p> <p>- Năng lực chung:</p>

		<ul style="list-style-type: none"> Giải quyết được những nhiệm vụ học tập một cách độc lập, theo nhóm và thể hiện sự sáng tạo. Góp phần phát triển năng lực giao tiếp và hợp tác qua hoạt động nhóm và trao đổi công việc với giáo viên. <p>- Năng lực riêng:</p> <ul style="list-style-type: none"> HS được phát triển tư duy và khả năng giải quyết được vấn đề, năng lực giao tiếp, hợp tác, sáng tạo, tự chủ và tự học. <p>3. Phẩm chất: Nghiêm túc, tập trung, tích cực chủ động.</p>
24	<p align="center">BÀI 20 THỰC HÀNH TẠO LẬP CÁC BẢNG CÓ KHÓA NGOÀI</p>	<p>21. Kiến thức:</p> <p>SAU BÀI HỌC NÀY EM SẼ:</p> <ul style="list-style-type: none"> ❖ Biết cách tạo mới các bảng có khoá ngoài. <p>2. Năng lực:</p> <p>- Năng lực chung:</p> <ul style="list-style-type: none"> Giải quyết được những nhiệm vụ học tập một cách độc lập, theo nhóm và thể hiện sự sáng tạo. Góp phần phát triển năng lực giao tiếp và hợp tác qua hoạt động nhóm và trao đổi công việc với giáo viên. <p>- Năng lực riêng:</p> <ul style="list-style-type: none"> HS được phát triển tư duy và khả năng giải quyết được vấn đề, năng lực giao tiếp, hợp tác, sáng tạo, tự chủ và tự học. <p>3. Phẩm chất: Nghiêm túc, tập trung, tích cực chủ động</p>
25	<p align="center">BÀI 21 THỰC HÀNH CẬP NHẬT VÀ TRUY XUẤT DỮ LIỆU CÁC BẢNG</p>	<p>1. Kiến thức:</p> <ul style="list-style-type: none"> Biết cách cập nhật và truy xuất CSDL <p>2. Năng lực:</p> <p>- Năng lực chung:</p> <ul style="list-style-type: none"> Giải quyết được những nhiệm vụ học tập một cách độc lập, theo nhóm và thể hiện sự sáng tạo. Góp phần phát triển năng lực giao tiếp và hợp tác qua hoạt động nhóm và trao đổi công việc với giáo viên. <p>- Năng lực riêng:</p> <ul style="list-style-type: none"> HS được phát triển tư duy và khả năng giải quyết được vấn đề, năng lực giao tiếp, hợp tác, sáng tạo, tự chủ và tự học. <p>3. Phẩm chất: Nghiêm túc, tập trung, tích cực chủ động</p>
26	<p align="center">BÀI 22 THỰC HÀNH CẬP NHẬT BẢNG DỮ LIỆU CÓ THAM CHIẾU</p>	<p>1. Kiến thức:</p> <p>SAU BÀI HỌC NÀY EM SẼ:</p> <ul style="list-style-type: none"> Hiểu được cách thức nhập dữ liệu đối với các bảng có trường khóa ngoài trường tham chiếu đến một khóa chính của bảng khác <p>2. Năng lực:</p>

		<p>- Năng lực chung:</p> <ul style="list-style-type: none"> Giải quyết được những nhiệm vụ học tập một cách độc lập, theo nhóm và thể hiện sự sáng tạo. Góp phần phát triển năng lực giao tiếp và hợp tác qua hoạt động nhóm và trao đổi công việc với giáo viên. <p>- Năng lực riêng:</p> <ul style="list-style-type: none"> HS được phát triển tư duy và khả năng giải quyết được vấn đề, năng lực giao tiếp, hợp tác, sáng tạo, tự chủ và tự học. <p>3. Phẩm chất: Nghiêm túc, tập trung, tích cực chủ động.</p>
27	<p>BÀI 23 THỰC HÀNH TRUY XUẤT DỮ LIỆU QUA LIÊN KẾT CÁC BẢNG</p>	<p>1. Kiến thức: SAU BÀI HỌC NÀY EM SẼ:</p> <ul style="list-style-type: none"> ❖ Hiểu được cách thức truy xuất dữ liệu qua liên kết các bảng. <p>2. Năng lực:</p> <p>- Năng lực chung:</p> <ul style="list-style-type: none"> Giải quyết được những nhiệm vụ học tập một cách độc lập, theo nhóm và thể hiện sự sáng tạo. Góp phần phát triển năng lực giao tiếp và hợp tác qua hoạt động nhóm và trao đổi công việc với giáo viên. <p>- Năng lực riêng:</p> <ul style="list-style-type: none"> HS được phát triển tư duy và khả năng giải quyết được vấn đề, năng lực giao tiếp, hợp tác, sáng tạo, tự chủ và tự học. <p>3. Phẩm chất: Nghiêm túc, tập trung, tích cực chủ động.</p>
28	Ôn tập kiểm tra giữa HKII	- Tổng hợp kiến thức chủ đề 6
29	Kiểm tra giữa HKII	- Khai thác được một CSDL cơ bản
30	<p>BÀI 24: THỰC HÀNH SAO LƯU DỮ LIỆU</p>	<p>1. Kiến thức: SAU BÀI HỌC NÀY EM SẼ:</p> <ul style="list-style-type: none"> Nắm được các thao tác sao lưu và phục hồi dữ liệu <p>2. Năng lực:</p> <p>- Năng lực chung:</p> <ul style="list-style-type: none"> Giải quyết được những nhiệm vụ học tập một cách độc lập, theo nhóm và thể hiện sự sáng tạo. Góp phần phát triển năng lực giao tiếp và hợp tác qua hoạt động nhóm và trao đổi công việc với giáo viên. <p>- Năng lực riêng:</p> <ul style="list-style-type: none"> HS được phát triển tư duy và khả năng giải quyết được vấn đề, năng lực giao tiếp, hợp tác, sáng tạo, tự chủ và tự học.

			<p>3. Phẩm chất: Nghiêm túc, tập trung, tích cực chủ động.</p>
<p>CHỦ ĐỀ 7. PHẦN MỀM CHỈNH SỬA ẢNH VÀ LÀM VIDEO</p>	31	<p>BÀI 25 PHẦN MỀM CHỈNH SỬA ẢNH</p>	<p>1. Kiến thức: SAU BÀI HỌC NÀY EM SẼ</p> <ul style="list-style-type: none"> - Làm quen với phần mềm chỉnh ảnh. - Thực hiện được một số thao tác với ảnh: phóng to, thu nhỏ, xoay, cắt ảnh. <p>2. Năng lực:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Năng lực chung: <ul style="list-style-type: none"> • Giải quyết được những nhiệm vụ học tập một cách độc lập, theo nhóm và thể hiện sự sáng tạo. • Góp phần phát triển năng lực giao tiếp và hợp tác qua hoạt động nhóm và trao đổi công việc với giáo viên. - Năng lực riêng: <ul style="list-style-type: none"> • HS được phát triển tư duy và khả năng giải quyết được vấn đề, năng lực giao tiếp, hợp tác, sáng tạo, tự chủ và tự học. <p>3. Phẩm chất: Nghiêm túc, tập trung, tích cực chủ động</p>
	32	<p>BÀI 26 CÔNG CỤ TINH CHỈNH MÀU SẮC VÀ CÔNG CỤ CHỌN</p>	<p>1. Kiến thức: SAU BÀI HỌC NÀY EM SẼ</p> <ul style="list-style-type: none"> - Biết các tham số biểu diễn màu của ảnh số. - Biết một số công cụ chọn đơn giản - Thực hiện được một số lệnh chỉnh màu đơn giản. <p>2. Năng lực:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Năng lực chung: <ul style="list-style-type: none"> • Giải quyết được những nhiệm vụ học tập một cách độc lập, theo nhóm và thể hiện sự sáng tạo. • Góp phần phát triển năng lực giao tiếp và hợp tác qua hoạt động nhóm và trao đổi công việc với giáo viên. - Năng lực riêng: <ul style="list-style-type: none"> • HS được phát triển tư duy và khả năng giải quyết được vấn đề, năng lực giao tiếp, hợp tác, sáng tạo, tự chủ và tự học. <p>3. Phẩm chất: Nghiêm túc, tập trung, tích cực chủ động.</p>
	33	<p>BÀI 27 CÔNG CỤ VẼ VÀ MỘT SỐ ỨNG DỤNG</p>	<p>1. Kiến thức: SAU BÀI HỌC NÀY EM SẼ:</p> <ul style="list-style-type: none"> • Biết được khái niệm lớp ảnh. • Biết một số công cụ vẽ đơn giản. • Thực hiện được một số ứng dụng để tẩy, làm sạch và xoá các vết xước trên ảnh <p>2. Năng lực:</p>

		<p>- Năng lực chung:</p> <ul style="list-style-type: none"> Giải quyết được những nhiệm vụ học tập một cách độc lập, theo nhóm và thể hiện sự sáng tạo. Góp phần phát triển năng lực giao tiếp và hợp tác qua hoạt động nhóm và trao đổi công việc với giáo viên. <p>- Năng lực riêng:</p> <ul style="list-style-type: none"> HS được phát triển tư duy và khả năng giải quyết được vấn đề, năng lực giao tiếp, hợp tác, sáng tạo, tự chủ và tự học. <p>3. Phẩm chất: Nghiêm túc, tập trung, tích cực chủ động</p>
34	BÀI 28 TẠO ẢNH ĐỘNG	<p>1. Kiến thức: SAU BÀI HỌC NÀY EM SẼ:</p> <ul style="list-style-type: none"> Thực hiện được các thao tác tạo ảnh động từ mô hình lớp ảnh <p>2. Năng lực:</p> <p>- Năng lực chung:</p> <ul style="list-style-type: none"> Giải quyết được những nhiệm vụ học tập một cách độc lập, theo nhóm và thể hiện sự sáng tạo. Góp phần phát triển năng lực giao tiếp và hợp tác qua hoạt động nhóm và trao đổi công việc với giáo viên. <p>- Năng lực riêng:</p> <ul style="list-style-type: none"> HS được phát triển tư duy và khả năng giải quyết được vấn đề, năng lực giao tiếp, hợp tác, sáng tạo, tự chủ và tự học. <p>3. Phẩm chất: Nghiêm túc, tập trung, tích cực chủ động</p>
35	BÀI 29: KHÁM PHÁ PHẦN MỀM LÀM PHIM	<p>1. Kiến thức: SAU BÀI HỌC NÀY EM SẼ:</p> <ul style="list-style-type: none"> Tạo được các đoạn phim, nhập tư liệu từ ảnh và video có sẵn, biên tập được đoạn phim phục vụ học tập và giải trí. <p>2. Năng lực:</p> <p>- Năng lực chung:</p> <ul style="list-style-type: none"> Giải quyết được những nhiệm vụ học tập một cách độc lập, theo nhóm và thể hiện sự sáng tạo. Góp phần phát triển năng lực giao tiếp và hợp tác qua hoạt động nhóm và trao đổi công việc với giáo viên. <p>- Năng lực riêng:</p> <ul style="list-style-type: none"> HS được phát triển tư duy và khả năng giải quyết được vấn đề, năng lực giao tiếp, hợp tác, sáng tạo, tự chủ và tự học. <p>3. Phẩm chất: Nghiêm túc, tập trung, tích cực chủ động.</p>
36	BÀI 30: BIÊN TẬP PHIM	<p>1. Kiến thức: SAU BÀI HỌC NÀY EM SẼ:</p>

			<ul style="list-style-type: none"> Sử dụng được một số công cụ cơ bản biên tập phim: chỉnh sửa hình ảnh, âm thanh, tạo phụ đề, tạo các hiệu ứng chuyển cảnh, căn chỉnh thời gian. <p>2. Năng lực:</p> <p>- Năng lực chung:</p> <ul style="list-style-type: none"> Giải quyết được những nhiệm vụ học tập một cách độc lập, theo nhóm và thể hiện sự sáng tạo. Góp phần phát triển năng lực giao tiếp và hợp tác qua hoạt động nhóm và trao đổi công việc với giáo viên. <p>- Năng lực riêng:</p> <ul style="list-style-type: none"> HS được phát triển tư duy và khả năng giải quyết được vấn đề, năng lực giao tiếp, hợp tác, sáng tạo, tự chủ và tự học. <p>3. Phẩm chất: Nghiêm túc, tập trung, tích cực chủ động.</p>
37	BÀI 31: THỰC HÀNH TẠO PHIM HOẠT HÌNH		<p>1. Kiến thức:</p> <p>SAU BÀI HỌC NÀY EM SẼ: Tạo được đoạn phim hoạt hình từ ảnh, có hội thoại giữa các nhân vật và có phụ đề.</p> <p>2. Năng lực:</p> <p>- Năng lực chung:</p> <ul style="list-style-type: none"> Giải quyết được những nhiệm vụ học tập một cách độc lập, theo nhóm và thể hiện sự sáng tạo. Góp phần phát triển năng lực giao tiếp và hợp tác qua hoạt động nhóm và trao đổi công việc với giáo viên. <p>- Năng lực riêng:</p> <ul style="list-style-type: none"> HS được phát triển tư duy và khả năng giải quyết được vấn đề, năng lực giao tiếp, hợp tác, sáng tạo, tự chủ và tự học. <p>3. Phẩm chất: Nghiêm túc, tập trung, tích cực chủ động.</p>
38	Ôn tập cuối kì 2		<ul style="list-style-type: none"> Tổng hợp kiến thức chủ đề 7
	Kiểm tra cuối HKII		<ul style="list-style-type: none"> Biết cách tạo ảnh động Biết chỉnh sửa ảnh cơ bản Có khả năng biên tập phim cơ bản

B. BÀI TẬP THAM KHẢO

PHẦN I. CÂU TRẮC NGHIỆM LỰA CHỌN MỘT PHƯƠNG ÁN

Câu 1: Kết quả của phép cộng nhị phân: $1011 + 1101$ là:

- A. 10100 B. 10111 C. 11000 D. 11010

Câu 2: Kết quả của phép nhân nhị phân: 1001×11 là:

- A. 11001 B. 10011 C. 10111 D. 11011

Câu 3: Cổng giao tiếp HDMI không được sử dụng để kết nối thiết bị ngoại vi nào sau đây?

- A. Màn hình. B. Tivi. C. Máy chiếu. D. Chuột.

- Câu 4:** Công việc nào sau đây phải thực hiện cuối cùng khi kết nối các bộ phận của máy tính với nhau?
 A. Kết nối màn hình với thân máy. C. Kết nối bàn phím với thân máy.
 B. Kết nối chuột với thân máy. D. Kết nối dây nguồn màn hình và thân máy với ổ điện.
- Câu 5:** Dòng máy tính PC sử dụng hệ điều hành nào?
 A. Hệ điều hành đồ họa macOS C. Hệ điều hành DOS
 B. Hệ điều hành đồ họa Windows D. Cả ba đáp án trên đều sai
- Câu 6:** LINUX có nguồn gốc từ hệ điều hành nào?
 A. Windows B. mac OS C. DOS D. UNIX
- Câu 7:** Chức năng nào sau đây không phải là chức năng cơ bản của hệ điều hành?
 A. Quản lý tệp. B. Quản lý tiến trình C. Bảo vệ hệ thống. D. Quản lý dự án.
- Câu 8:** Đáp án nào dưới đây là phần mềm thương mại?
 A. Inkscape B. GIMP C. Microsoft Word D. Môi trường lập trình Python
- Câu 9:** Màn hình máy tính có thể kết nối với thân máy qua cổng giao tiếp nào sau đây?
 A. USB. B. VGA. C. DVI. D. PS/2.
- Câu 10:** Cổng kết nối nào có thể truyền đồng thời cả âm thanh và hình ảnh?
 A. VGA B. USB C. Mạng D. HDMI
- Câu 11:** Cổng kết nối nào dùng để truyền hình ảnh?
 A. HDMI B. VGA C. USB D. Mạng
- Câu 12:** Đầu vừa là thiết bị vào vừa là thiết bị ra?
 A. Máy in B. Máy quét ảnh C. USB D. Máy chiếu
- Câu 13:** Internet đã khắc phục những rào cản nào của các tài nguyên máy tính?
 A. Dung lượng đĩa cứng C. Dung lượng thiết bị nhớ ngoài
 B. Dữ liệu bị hạn chế D. Cả ba đáp án trên đều đúng
- Câu 14:** Khi đăng kí sử dụng dịch vụ lưu trữ thông tin, dữ liệu trực tuyến thì người dùng sẽ được?
 A. Cung cấp các dịch vụ xử lý dữ liệu C. Cung cấp phần mềm chỉnh sửa dữ liệu trực tuyến
 B. Cung cấp một không gian nhớ trực tuyến D. Cung cấp các dịch vụ sửa chữa máy tính
- Câu 15:** Ưu điểm của việc lưu trữ thông tin trực tuyến là?
 A. Cho phép chia sẻ thư mục, tệp cho người dùng khác
 B. Không cho phép chia sẻ thư mục, tệp cho người dùng khác
 C. Bán được thông tin cho nhau để kiếm tiền
 D. Thích vào thư mục của ai cũng được
- Câu 16:** Phương án nào sau đây chỉ ra một mặt trái tiềm ẩn của lưu trữ trực tuyến?
 A. Truy cập được dữ liệu từ mọi nơi, mọi lúc nếu truy cập được Internet.
 B. Chia sẻ tệp tin với nhiều người dùng ở các địa điểm khác nhau.
 C. Các dịch vụ lưu trữ đám mây có thể có những lỗ hổng bảo mật.
 D. Các dịch vụ lưu trữ đám mây cần phải có tài khoản mới truy cập được dữ liệu.
- Câu 17:** Trong quyền được chỉnh sửa thì người dùng có thể?
 A. Chỉnh sửa thư mục B. Xóa thư mục C. Tạo mới thư mục D. Tất cả các đáp án đều đúng
- Câu 18:** Đầu là dịch vụ lưu trữ và chia sẻ thông tin trực tuyến của Google?
 A. One Drive B. iCloud C. Dropbox D. Google Drive
- Câu 19:** Đầu là địa chỉ URL tìm kiếm?
 A. tech12h.com B. newocr.com C. Google.com D. yourtube.vn
- Câu 20:** Để thực hiện tìm kiếm bằng tiếng nói thì cần có?
 A. Bàn phím B. Con chuột C. Micro D. Loa
- Câu 21:** Nguyên nhân dẫn đến tìm kiếm thông tin chậm, thiếu chính xác là?
 A. Từ khóa tìm kiếm chưa đầy đủ C. Cách tìm kiếm tài liệu không đúng
 B. Chưa biết cách xây dựng từ khóa D. Cả ba đáp án trên đều đúng
- Câu 22:** Gmail tự động xác định và đánh dấu thư thuộc loại quan trọng bằng?
 A. Phần mềm đánh dấu C. Chức năng lọc thư
 B. Dấu quan trọng màu vàng D. Dấu quan trọng màu đỏ
- Câu 23:** Dựa vào đâu để Gmail tự động xác định và đánh dấu thư thuộc loại quan trọng?

- A. Người gửi và tần suất gửi cho một người
- B. Từ khóa có trong thư điện tử thường xuyên đọc
- C. Thư điện tử được mở và trả lời
- D. Cả ba đáp án trên đều đúng

Câu 24: Việc tìm kiếm is: important để?

- A. Sắp xếp, phân loại thư trong hộp thư đến
- B. Hiện thị danh sách tất cả thư điện tử quan trọng
- C. Xóa các thư đến
- D. Xóa tất cả thư điện tử quan trọng

Câu 25: Fanpage là trang web trên?

- A. Google
- B. Coccoc
- C. Facebook
- D. Cả ba đáp án trên đều sai

Câu 26: Phát biểu nào sau đây là đúng khi nói về thư điện tử?

- A. Nhìn vào hộp thư điện tử, người gửi có thể biết được bức thư mình đã gửi đi người nhận đã đọc hay chưa
- B. Chỉ có người nhận thư mới mở được tệp đính kèm theo thư, còn người gửi sẽ không mở được tệp đính kèm khi đã gửi thư
- C. Trong hộp thư đến chỉ chứa thư của những người quen biết
- D. Nhìn vào hộp thư điện tử có thể biết thư đã đọc hay chưa

Câu 27: Phát biểu nào sau đây là sai:

- A. Cần đăng xuất ra khỏi hộp thư điện tử sau khi sử dụng xong.
- B. Thời gian gửi thư điện tử rất ngắn gần như ngay lập tức
- C. Cần mở tất cả các tệp đính kèm được gửi cho bạn
- D. Chỉ mở tệp đính kèm từ những người bạn biết và tin tưởng

Câu 28: Rủi ro có thể gặp phải khi sử dụng Internet là?

- A. Lộ thông tin cá nhân
- B. Đối mặt với các thông tin sai lệch
- C. Bị lừa đảo, quấy rối
- D. Cả ba đáp án trên đều đúng

Câu 29: Khi tham gia mạng xã hội thì mọi người cần trang bị?

- A. Kỹ năng giao tiếp
- B. Kỹ năng đối phó với dư luận và vượt qua khủng hoảng
- C. Kỹ năng nhận biết và phòng tránh lừa đảo
- D. Cả ba đáp án trên đều đúng

Câu 30: Khi có kẻ lừa đảo hỗ trợ kỹ thuật cố gắng thuyết phục rằng thiết bị của bạn đang gặp sự cố và yêu cầu thanh toán ngay lập tức cho các dịch vụ để khắc phục các sự cố đó mà trên thực tế nó không hề tồn tại. Em có thể thực hiện nguyên tắc kiểm tra ngay bằng cách?

- A. Tự đặt ra câu hỏi khi thông báo hiện lên có vẻ rất khẩn cấp
- B. Cập nhật phần mềm bảo mật và quét virus
- C. Thử tìm kiếm tên công ty hoặc số điện thoại kèm theo những từ khóa như " lừa đảo" hoặc " khiêu nại". Tìm đến một đơn vị có uy tín và tin cậy để nhờ hỗ trợ
- D. Hiểu rằng các đơn vị hỗ trợ công nghệ hợp pháp sẽ không yêu cầu thanh toán ngay dưới dạng thẻ điện thoại, chuyển khoản, . . . khi mà dịch vụ chưa được thực hiện

Câu 31: Khi có kẻ lừa đảo hỗ trợ kỹ thuật cố gắng thuyết phục rằng thiết bị của bạn đang gặp sự cố và yêu cầu thanh toán ngay lập tức cho các dịch vụ để khắc phục các sự cố đó mà trên thực tế nó không hề tồn tại. Em có thể thực hiện nguyên tắc Dừng lại, không gửi bằng cách?

- A. Tự đặt ra câu hỏi khi thông báo hiện lên có vẻ rất khẩn cấp
- B. Cập nhật phần mềm bảo mật và quét virus
- C. Thử tìm kiếm tên công ty hoặc số điện thoại kèm theo những từ khóa như " lừa đảo" hoặc " khiêu nại". Tìm đến một đơn vị có uy tín và tin cậy để nhờ hỗ trợ
- D. Hiểu rằng các đơn vị hỗ trợ công nghệ hợp pháp sẽ không yêu cầu thanh toán ngay dưới dạng thẻ điện thoại, chuyển khoản, . . . khi mà dịch vụ chưa được thực hiện

Câu 32: Quy tắc nào dưới đây cần thực hiện khi tham gia môi trường số

- A. Tôn trọng, tuân thủ pháp luật
- B. Lành mạnh, trách nhiệm
- C. An toàn, bảo mật thông tin
- D. Cả ba đáp án trên đều đúng

Câu 33: Mục đích chính của quản lý thông tin là?

- A. Xử lý thông tin để đưa ra các quyết định
- B. Lưu trữ dữ liệu
- C. Thu thập thông tin
- D. Chính sửa thông tin dễ dàng

Câu 34: Khi đã bị lừa đảo tiền bạc và hăm dọa tinh thần trên không gian mạng, bạn My đã đăng tải lên facebook cá nhân về điều đó, tuy nhiên văn hóa mạng rất tồi tệ đã chỉ trích và nói “đấy là điều bạn đáng phải nhận, dốt thì phải tự chịu,....” Hãy cho bạn My một phương án tốt nhất?

- A. Lên facebook để trả lời các bình luận, và đòi lại công bằng cho bản thân
- B. Nói với người thân và nên dừng sử dụng mạng xã hội facebook một thời gian. Nên có khoảng thời gian hồi phục tinh thần. Trình báo cho cơ quan chức năng về độ nghiêm trọng của sự việc
- C. Tiếp tục đăng bài, chửi rủa và sử dụng vũ lực để đòi lại công bằng
- D. Đăng bài và nhờ bạn bè chia sẻ thật nhiều lên mạng xã hội

Câu 35: Bạn Lan đang sử dụng internet để lướt web thì thấy một tin nhắn từ bạn thân mình là bạn B gửi đến “Cậu cho mình vay 1 triệu mình đưa mẹ đi khám”. Nếu là Lan bạn sẽ làm gì ngay lúc này?

- A. Gọi điện cho B và kiểm tra lại thông tin, nếu đúng và mình có tiền thì cho vay nếu muốn
- B. Chuyển tiền ngay cho B để còn kịp thời đưa mẹ B đi viện
- C. Lò đi, vì nghĩ vay tiền là giả mạo lừa đảo rồi
- D. Báo ngay cho công an.

Câu 36: Tại các trạm bán xăng, việc thu thập dữ liệu về lượng xăng bán và doanh thu được thực hiện như thế nào?

- A. Xác nhận số lượng xăng bán đầu
- B. Tính số tiền thu được trong mỗi ngày
- C. Cập nhật lượng xăng bán mỗi ngày
- D. Cả ba đáp án trên đều đúng

Câu 37: Việc nhập dữ liệu thủ công khi thanh toán tại các siêu thị lớn sẽ?

- A. Đơn hàng sẽ được thanh toán nhanh chóng
- B. Làm tăng năng suất bán hàng
- C. Làm chậm thời gian thanh toán
- D. Khiến khách hàng yên tâm hơn

Câu 38: Để khắc phục tình trạng tắc nghẽn tại các quầy thanh toán do nhập dữ liệu thủ công thì người ta đã?

- A. Tạo ra các mã vạch mang thông tin về mặt hàng dán trên bao bì
- B. Thực hiện thanh toán qua đầu đọc mã vạch
- C. Dữ liệu về hàng hóa và doanh thu được lưu trữ tự động
- D. Cả ba đáp án trên đều đúng

Câu 39: Để quản lý kết quả học tập, giáo viên phải quản lý điểm của từng môn học theo?

- A. Điểm đánh giá thường xuyên, điểm đánh giá giữa kì
- B. Điểm đánh giá giữa kì, điểm đánh giá cuối kì
- C. Điểm đánh giá cuối kì, điểm đánh giá thường xuyên
- D. Điểm đánh giá thường xuyên, giữa kì, cuối kì.

Câu 40: Việc ghi chép điểm có thể sai sót, nhầm lẫn nhưng người dùng không nên?

- A. Xóa một dữ liệu điểm
- B. Thêm một dữ liệu điểm
- C. Sửa một dữ liệu điểm
- D. Không sửa và cứ để nhầm lẫn

Câu 41: Để khai báo khóa chính trong bảng bannhac, ta chọn mục nào?

- A. Create new table
- B. Create new column
- C. Create new index
- D. Create new field

Câu 42: Từ khóa nào dưới đây được sử dụng để chỉ định điều kiện kết nối giữa các bảng trong câu lệnh SQL?

- A. SELECT
- B. INNER JOIN
- C. WHERE
- D. ON

Câu 43: Khi tạo bảng bannhac, trường nào không cho phép giá trị NULL?

bannhac		
IdBannhac	tenBannhac	IdNhacsi
1	Du kích sông Thao	1
2	Trường ca sông Lô	2
3	Tình ca	3
4	Xa khơi	4

A. tenBannhac B. idNhacsi C. idBannhac D. Column 1

Câu 44: Nếu không khai báo khóa chính cho bảng bannhac, điều gì sẽ xảy ra?

- A. Bảng sẽ không thể lưu được B. Bảng sẽ không có dữ liệu
C. Các trường trong bảng sẽ bị xóa D. Bảng vẫn lưu bình thường nhưng không có khóa chính

Câu 45: Tại sao cần khai báo khóa UNIQUE cho cặp trường tenBannhac và idNhacsi?

- A. Để tăng tốc độ truy vấn B. Để tránh trùng lặp giá trị
C. Để giảm dung lượng bảng D. Để tăng tính bảo mật

Câu 46: Khóa ngoài trong bảng bannhac giúp đảm bảo điều gì?

- A. Dữ liệu trong bảng nhacsi tồn tại B. Dữ liệu trong bảng bannhac là duy nhất
C. Dữ liệu trong bảng bannhac không bị trùng lặp D. Liên kết giữa bảng bannhac và bảng nhacsi là hợp lệ

Câu 47: Trong bảng nhacsi, trường nào là khóa chính?

nhacsi	
idNhacsi	tenNhacsi
1	Đỗ Nhuận
2	Văn Cao
3	Hoàng Việt
4	Nguyễn Tài Tuệ

A. tenNhacsi B. idNhacsi C. NgaySinh D. QueQuan

Câu 48: Để chỉnh sửa dữ liệu trong bảng nhacsi, bạn phải thực hiện bước nào sau đây?

- A. Thêm dữ liệu mới B. Sắp xếp dữ liệu
C. Chỉnh sửa dữ liệu theo hướng dẫn D. Xóa dữ liệu

Câu 49: Khi xóa dòng dữ liệu trong bảng nhacsi, bước cuối cùng bạn phải thực hiện là gì?

- A. Nhập dữ liệu mới B. Chỉnh sửa dữ liệu
C. Khẳng định muốn xóa dữ liệu D. Sắp xếp dữ liệu

Câu 50: Khi muốn lấy ra danh sách dữ liệu thỏa mãn yêu cầu, bạn phải thực hiện thao tác nào?

- A. Thêm mới dữ liệu B. Chỉnh sửa dữ liệu C. Sử dụng bộ lọc D. Xóa dữ liệu

Câu 51: Khi nhập câu truy vấn SQL để truy xuất dữ liệu, bạn có khả năng?

- A. Thêm mới dữ liệu B. Chỉnh sửa dữ liệu
C. Sắp xếp dữ liệu D. Truy xuất dữ liệu nhanh chóng và hiệu quả

Câu 52: Vì sao việc truy xuất dữ liệu với câu truy vấn SQL được cho là nhanh chóng và hiệu quả hơn?

- A. Vì dễ dàng thao tác trên giao diện B. Vì có thể xử lý dữ liệu lớn và phức tạp
C. Vì không cần xác nhận khi xóa dữ liệu D. Vì chỉ áp dụng cho dữ liệu đơn giản

Câu 53: Khi thực hiện thao tác xóa dòng dữ liệu trong bảng nhacsi, tại sao cần xác nhận trước khi xóa?

- A. Để đảm bảo dữ liệu không bị xóa nhầm B. Để kiểm tra dữ liệu đã xóa chưa
C. Để thêm dữ liệu mới sau khi xóa D. Để kiểm tra tính đúng đắn của dữ liệu

Câu 54: Việc sắp xếp dữ liệu trong bảng nhacsi có lợi ích gì?

- A. Giúp thêm dữ liệu mới dễ dàng hơn B. Giúp dễ dàng tìm kiếm và quản lý dữ liệu
C. Giúp xóa dữ liệu nhanh hơn D. Giúp chỉnh sửa dữ liệu nhanh chóng

Câu 55: Khi sử dụng bộ lọc trong bảng nhacsi, mục tiêu chính là gì?

- A. Tìm kiếm và hiển thị dữ liệu phù hợp B. Xóa các dòng dữ liệu không cần thiết
C. Thêm mới dữ liệu vào bảng D. Chỉnh sửa lỗi dữ liệu

Câu 56: Tại sao việc chỉnh sửa dữ liệu trong bảng nhacsi lại cần thiết?

- A. Để xóa dữ liệu nhanh chóng B. Để đảm bảo tính chính xác và cập nhật của dữ liệu
C. Để thêm mới dữ liệu vào bảng D. Để sắp xếp dữ liệu theo thứ tự

Câu 57: Bạn cần làm gì nếu phát hiện lỗi trong dữ liệu của bảng nhacsi khi sử dụng câu truy vấn SQL?
A. Thêm mới dữ liệu vào bảng
B. Chỉnh sửa dữ liệu trực tiếp bằng câu truy vấn SQL
C. Xóa dữ liệu và nhập lại từ đầu
D. Sử dụng bộ lọc để tìm lỗi

Câu 58: Khi bạn muốn sắp xếp dữ liệu trong bảng nhacsi theo thứ tự bảng chữ cái của tên nhạc sĩ, câu truy vấn SQL nào là phù hợp?

- A. SELECT * FROM nhacsi ORDER BY tenNhacsi ASC;
- B. SELECT * FROM nhacsi ORDER BY idNhacsi DESC;
- C. SELECT tenNhacsi FROM nhacsi WHERE tenNhacsi LIKE 'A%';
- D. SELECT * FROM nhacsi;

Câu 59: Trong các câu lệnh SQL, từ khóa nào thể hiện việc kết nối hai bảng?

- A. SELECT
- B. INNER JOIN
- C. WHERE
- D. ON

Câu 60: Để lấy danh sách các bản thu âm có ca sĩ Lê Dung thể hiện, cần sử dụng điều kiện nào trong mệnh đề WHERE?

```
casi(idCasi, tenCasi)
nhacsi(idNhacsi, tenNhacsi)
bannhac(idBannhac, tenBannhac, idNhacsi)
banthuan(idBanthuan, idBannhac, idCasi)
```

- A. WHERE nhacsi.tenNhacsi = 'Lê Dung';
- B. WHERE bannhac.tenBannhac = 'Lê Dung';
- C. WHERE casi.tenCasi = 'Lê Dung';
- D. WHERE banthuan.tenBanthuan = 'Lê Dung';

Câu 61: Tại sao việc xóa dữ liệu trong bảng nhacsi không thể tùy tiện thực hiện?

- A. Vì nó có thể gây lỗi dữ liệu tham chiếu
- B. Vì MySQL không cho phép xóa
- C. Vì dữ liệu này không thể thay đổi
- D. Vì dữ liệu này rất quan trọng

Câu 62: Nếu bạn muốn truy xuất tất cả các nhạc sĩ có mã idNhacsi nhỏ hơn 10, câu truy vấn SQL nào là chính xác?

- A. SELECT * FROM nhacsi WHERE idNhacsi > 10;
- B. SELECT * FROM nhacsi WHERE idNhacsi < 10;
- C. SELECT * FROM nhacsi WHERE tenNhacsi < 10;
- D. SELECT * FROM nhacsi;

Câu 63: Trong các câu lệnh SQL, mục đích của việc sử dụng INNER JOIN giữa các bảng là gì?

- A. Để lấy dữ liệu từ các bảng có liên kết với nhau.
- B. Để cập nhật dữ liệu trong các bảng.
- C. Để xóa dữ liệu từ các bảng liên kết.
- D. Để thêm dữ liệu vào các bảng.

Câu 64: Để lấy danh sách các bản thu âm do ca sĩ Lê Dung thể hiện, chúng ta cần sử dụng bảng nào?

```
casi(idCasi, tenCasi)
nhacsi(idNhacsi, tenNhacsi)
bannhac(idBannhac, tenBannhac, idNhacsi)
banthuan(idBanthuan, idBannhac, idCasi)
```

- A. banthuan
- B. bannhac
- C. casi
- D. nhacsi

Câu 65: Tại sao việc xóa dữ liệu trong bảng nhacsi không thể tùy tiện thực hiện?

- A. Vì nó có thể gây lỗi dữ liệu tham chiếu
- B. Vì MySQL không cho phép xóa
- C. Vì dữ liệu này không thể thay đổi
- D. Vì dữ liệu này rất quan trọng

Câu 66: Khi nào bạn nên sử dụng bộ lọc dữ liệu trong bảng nhacsi?

- A. Khi muốn thêm mới dữ liệu

- B. Khi muốn sắp xếp dữ liệu theo thứ tự
- C. Khi muốn truy xuất dữ liệu đáp ứng điều kiện cụ thể
- D. Khi muốn chỉnh sửa tất cả các bản ghi cùng một lúc

Câu 67: Vì sao trường idNhacsi trong bảng bannhac phải tham chiếu đến bảng nhacsi?

- A. Để đảm bảo tính nhất quán dữ liệu
- B. Để dễ dàng quản lý dữ liệu
- C. Để tránh trùng lặp dữ liệu
- D. Cả 3 đáp án trên đều đúng

Câu 68: Nếu phát hiện dữ liệu trong bảng bannhac bị sai sót, bước đầu tiên cần thực hiện là gì?

- A. Nháy đúp chuột vào ô dữ liệu để sửa
- B. Xóa dữ liệu sai sót
- C. Tạo bản nhạc mới
- D. Xóa toàn bộ bảng và tạo lại

Câu 69: Khi thêm một bản nhạc mới, tại sao việc chọn đúng nhạc sĩ trong danh sách là quan trọng?

- A. Để đảm bảo rằng bản nhạc thuộc về nhạc sĩ đúng
- B. Để tránh lỗi dữ liệu
- C. Để không cần phải cập nhật sau này
- D. Để tuân thủ quy định cơ sở dữ liệu

Câu 70: Giả sử bạn muốn thay đổi tất cả các bản nhạc thuộc nhạc sĩ A sang nhạc sĩ B, bạn cần thực hiện thao tác nào?

bannhac		
IdBannhac	tenBannhac	IdNhacsi
1	Du kích sông Thao	1
2	Trường ca sông Lô	2
3	Tình ca	3
4	Xa khơi	4

- A. Truy xuất tất cả các bản nhạc của nhạc sĩ A và cập nhật idNhacsi thành id của nhạc sĩ B
- B. Xóa nhạc sĩ A và thêm lại với nhạc sĩ B
- C. Sửa trực tiếp tên nhạc sĩ trong bảng nhacsi
- D. Chỉ cần cập nhật trong bảng nhacsi

PHẦN II. Câu trắc nghiệm đúng sai. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, chọn đúng hoặc sai.

Câu 1: Quy trình lưu trữ và chia sẻ tệp tin trên Google Drive yêu cầu các bước đăng nhập và thao tác đơn giản, giúp người dùng dễ dàng quản lý dữ liệu trực tuyến.

- a) Để lưu trữ tệp tin trên Google Drive, người dùng phải đăng nhập bằng tài khoản Google của mình.
- b) Tệp tin sau khi tải lên Google Drive sẽ tự động được chia sẻ với tất cả người dùng Google.
- c) Chia sẻ tệp tin trên Google Drive có thể thực hiện bằng cách nháy chuột phải vào tệp và chọn lệnh Chia sẻ.
- d) Người dùng có thể kiểm tra thông tin chia sẻ của tệp tin tại khu vực hiển thị thông tin chi tiết của tệp.

Câu 2: Tìm kiếm thông tin chính xác hơn có thể thực hiện bằng cách sử dụng các tiêu chí tìm kiếm cụ thể, chẳng hạn như tìm kiếm tệp tin theo định dạng.

- a) Để tìm kiếm thông báo dưới dạng tệp .pdf, người dùng cần thêm cụm từ "filetype" vào từ khóa tìm kiếm.
- b) Tìm kiếm với từ khóa cụ thể và thêm tiêu chí định dạng tệp sẽ giảm độ chính xác của kết quả tìm kiếm.
- c) Người dùng có thể tìm kiếm thông tin về tuyển sinh của một trường đại học bằng cách sử dụng cụm từ khóa và định dạng tệp.
- d) Khi sử dụng tiêu chí tìm kiếm cụ thể, kết quả tìm kiếm sẽ luôn hiển thị các tệp tin dưới định dạng đã chọn.

Câu 3: Sử dụng nhãn (Label) trong Gmail là một cách hiệu quả để sắp xếp và phân loại thư điện tử, giúp người dùng dễ dàng quản lý hộp thư đến.

- a) Nhãn trong Gmail tương tự như thư mục, nhưng một thư có thể gán nhiều nhãn khác nhau.
- b) Khi xóa một thư trong Gmail, nhãn đính kèm sẽ bị xóa, nhưng thư vẫn còn trong hộp thư đến.
- c) Để tạo nhãn mới trong Gmail, người dùng cần truy cập vào Danh sách mở rộng và chọn Tạo nhãn mới.
- d) Gán nhãn cho một thư điện tử trong Gmail yêu cầu người dùng mở thư và chọn nhãn từ danh sách nhãn.

Câu 4: An toàn và bảo mật thông tin trong môi trường số đòi hỏi người dùng phải cẩn trọng trong việc chia sẻ và bảo vệ thông tin cá nhân.

- a) Việc chia sẻ thông tin cá nhân công khai trên mạng xã hội có thể dẫn đến rủi ro bảo mật.
- b) Sử dụng mật khẩu mạnh và khác nhau cho từng tài khoản trực tuyến là một biện pháp bảo vệ thông tin cá nhân hiệu quả.
- c) Bất xác thực hai yếu tố (2FA) là không cần thiết nếu bạn có một mật khẩu đủ mạnh.
- d) Không nên chia sẻ mật khẩu hoặc thông tin bảo mật với bất kỳ ai, kể cả bạn bè thân thiết.

Câu 5: Cập nhật dữ liệu là quá trình bổ sung, chỉnh sửa hoặc xóa bỏ các dữ liệu đã có, nhằm đảm bảo tính chính xác và kịp thời cho các thông tin cần thiết.

- a) Cập nhật dữ liệu chỉ bao gồm việc thêm dữ liệu mới, không bao gồm việc chỉnh sửa hoặc xóa dữ liệu đã có.
- b) Dữ liệu cần được cập nhật chính xác, kịp thời và thường xuyên để đảm bảo thông tin khai thác được đầy đủ và chính xác.
- c) Việc cập nhật dữ liệu thường xuyên giúp sửa chữa những sai sót và nhầm lẫn trong việc ghi chép dữ liệu.
- d) Cập nhật dữ liệu không có ảnh hưởng đáng kể đến tính chính xác của các thông tin khai thác từ dữ liệu.

Câu 6: Ví dụ về thu thập dữ liệu tự động cho thấy tầm quan trọng của việc áp dụng công nghệ trong quản lý và khai thác thông tin.

- a) Việc quét mã vạch tại các siêu thị giúp giảm thời gian thanh toán và cung cấp thông tin về các sản phẩm bán ra.
- b) Sử dụng công tơ điện tử trong các hộ gia đình giúp tiết kiệm thời gian và tăng độ chính xác trong việc đo đạc điện năng.
- c) Ghi chép thủ công trong các nhà thuốc có thể thay thế hoàn toàn việc thu thập dữ liệu tự động.
- d) Thu thập dữ liệu tự động giúp kiểm soát số thuốc bán ra và nhập vào tại các nhà thuốc một cách chính xác hơn.

Câu 7: Khi khai báo khóa chính và khóa ngoài trong bảng bannhac, các thao tác dưới đây có đúng không?

bannhac		
IdBannhac	tenBannhac	IdNhacsi
1	Du kích sống Theo	1
2	Trường ca sống Lô	2
3	Tình ca	3
4	Xa khơi	4

nhacsi	
idNhacsi	tenNhacsi
1	Đỗ Nhuận
2	Văn Cao
3	Hoàng Việt
4	Nguyễn Tài Tuệ

- a) Khóa chính của bảng bannhac là trường idBannhac.
- b) Trường idNhacsi được khai báo làm khóa chính.
- c) Khóa ngoài idNhacsi tham chiếu đến bảng nhacsi.
- d) Khóa chính idBannhac được đánh dấu là UNIQUE.

Câu 8: Trong quá trình cập nhật bảng bannhac, khi thực hiện thao tác với dữ liệu:

bannhac		
idBannhac	tenBannhac	idNhacsi
1	Du kích sông Thao	1
2	Trường ca sông Lô	2
3	Tình ca	3
4	Xa khơi	4

- Trường idNhacsi trong bảng bannhac là một trường khóa chính.
- Trường idNhacsi trong bảng bannhac có kiểu INT và được tự động tăng giá trị (AUTO_INCREMENT).
- Người dùng không cần nhập giá trị cho trường idNhacsi khi thêm mới bản nhạc vì nó được tham chiếu từ bảng nhacsi.
- Để sửa một bản nhạc trong bảng bannhac, chỉ cần nháy đúp chuột vào ô dữ liệu cần sửa.

Câu 9: Về việc xóa dữ liệu trong bảng bannhac và nhacsi:

bannhac		
idBannhac	tenBannhac	idNhacsi
1	Du kích sông Thao	1
2	Trường ca sông Lô	2
3	Tình ca	3
4	Xa khơi	4

nhacsi	
idNhacsi	tenNhacsi
1	Đỗ Nhuận
2	Văn Cao
3	Hoàng Việt
4	Nguyễn Tài Tuệ

- Người dùng có thể xóa tùy ý các dòng trong bảng nhacsi mà không ảnh hưởng đến bảng bannhac.
- Khi xóa dữ liệu trong bảng bannhac, phải kiểm tra xem có dòng dữ liệu nào tham chiếu đến idNhacsi trong bảng nhacsi hay không.
- MySQL sẽ ngăn chặn việc xóa dòng dữ liệu trong bảng nhacsi nếu idNhacsi của dòng đó tồn tại trong bảng bannhac.
- Để xóa các bản nhạc trong bảng bannhac, người dùng có thể thực hiện các bước tương tự như khi xóa dòng trong bảng nhacsi.

Câu 10: Bạn đang thực hiện câu lệnh SQL để lấy danh sách các bản nhạc gồm tên bản nhạc và tên nhạc sĩ sáng tác bản nhạc đó. Đánh giá đúng/sai các câu lệnh SQL sau:

```
casi(idCasi, tenCasi)
nhacsi(idNhacsi, tenNhacsi)
bannhac(idBannhac, tenBannhac, idNhacsi)
banthuan(idBanthuan, idBannhac, idCasi)
```

- SELECT** bannhac.tenBannhac,nhacsi.tenNhacsi
FROM bannhac **INNER JOIN** nhacsi
ON bannhac.idNhacsi=nhacsi.idNhacsi;
- SELECT** bannhac.tenBannhac,nhacsi.tenNhacsi
FROM bannhac **INNER JOIN** nhacsi
WHERE bannhac.idNhacsi=nhacsi.idNhacsi
- SELECT** bannhac.tenBannhac,nhacsi.tenNhacsi
FROM bannhac **INNER JOIN** nhacsi
ON bannhac.idNhacsi=nhacsi.idNhacsi
- SELECT** tenBannhac,tenNhacsi

FROM bannhac **INNER JOIN** nhacsi

ON bannhac.idNhacsi=nhacsi.idNhacsi;

Câu 11: Về việc truy xuất dữ liệu từ bảng nhacsi, hãy xác định các phát biểu sau là đúng hay sai:

nhacsi	
idNhacsi	tenNhacsi
1	Đỗ Nhuận
2	Văn Cao
3	Hoàng Việt
4	Nguyễn Tài Tuệ

- a) Truy xuất dữ liệu từ bảng nhacsi có thể thực hiện qua giao diện đồ họa hoặc câu truy vấn SQL.
- b) Bộ lọc dữ liệu giúp lấy ra danh sách dữ liệu thỏa mãn yêu cầu cụ thể.
- c) Sau khi sử dụng bộ lọc, không cần xóa bộ lọc vì nó tự động làm mới.
- d) Truy xuất bằng câu truy vấn SQL thường được sử dụng cho các yêu cầu truy xuất phức tạp.

Câu 12: Khi khai báo khóa chống trùng lặp trong bảng bannhac, các thao tác dưới đây có đúng không?

bannhac		
IdBannhac	tenBannhac	IdNhacsi
1	Du kích sóng Thao	1
2	Trường ca sông Lô	2
3	Tình ca	3
4	Xa khơi	4

nhacsi	
idNhacsi	tenNhacsi
1	Đỗ Nhuận
2	Văn Cao
3	Hoàng Việt
4	Nguyễn Tài Tuệ

- a) Cặp trường tenBannhac và idNhacsi được khai báo là khóa UNIQUE.
- b) Khóa UNIQUE đảm bảo các giá trị trong cặp trường không bị trùng lặp.
- c) Khóa UNIQUE cho phép các giá trị NULL.
- d) Khóa UNIQUE bắt buộc phải tham chiếu đến một bảng khác.

III. CÂU HỎI TỰ LUẬN

Câu 1 (2 điểm). Thực hiện các phép tính sau:

a, $1011_2 + 1101_2 + 111_2$

b, $11_2 \times 101_2 + 11_2$

Câu 2 (2 điểm). Em nghĩ những thói quen nào giúp tăng cường an toàn khi sử dụng máy tính trong thời đại hiện nay?

Câu 3 (2 điểm). Cho mạch logic như hình, em hãy hoàn thiện bảng dưới đây

A	B	F
0	0	
0	1	
1	0	
1	1	

Câu 4: Trình bày các nguyên tắc phòng chống lừa đảo trên không gian số?

Câu 5: Theo em, việc sử dụng mạng xã hội trong giới trẻ hiện nay có ưu điểm và nhược điểm gì? Các bạn trẻ nên làm gì để việc sử dụng mạng xã hội đem lại những ảnh hưởng tích cực đến bản thân và xã hội?

C. ĐỀ MINH HOẠ

PHẦN I. CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM LỰA CHỌN MỘT ĐÁP ÁN (4 điểm)

Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 16. Mỗi câu hỏi thí sinh chỉ chọn một đáp án.

Câu 1. Trong bảng **nhacsi**, trường **idNhacsi** thuộc loại khóa gì?

nhacsi	
idNhacsi	tenNhacsi
1	Đỗ Nhuận
2	Văn Cao
3	Hoàng Việt
4	Nguyễn Tài Tuệ

- A. Khóa cấm trùng lặp
 B. Không phải khóa
 C. Khóa ngoài
 D. Khóa chính

Câu 2. Bảng nào sau đây có trường **idNhacsi** làm khóa chính?

bannhac		
idBannhac	tenBannhac	idNhacsi
1	Du kích sông Thao	1
2	Trường ca sông Lô	2
3	Tình ca	3
4	Xa khơi	4

nhacsi	
idNhacsi	tenNhacsi
1	Đỗ Nhuận
2	Văn Cao
3	Hoàng Việt
4	Nguyễn Tài Tuệ

casi	
idCasi	tenCasi
1	Trần Khánh
2	Lê Dung
3	Tân Nhân
4	Quốc Hương
5	Doãn Tấn

banthuum		
idBanthuum	idBannhac	idCasi
1	1	5
2	2	2
3	3	1
4	4	3
5	5	4

- A. casi
 B. nhacsi
 C. banthuum
 D. bannhac

Câu 3. Nếu không khai báo khóa chính cho bảng **bannhac**, điều gì sẽ xảy ra?

- A. Bảng vẫn lưu bình thường nhưng không có khóa chính.
 B. Các trường trong bảng sẽ bị xóa
 C. Bảng sẽ không có dữ liệu
 D. Bảng sẽ không thể lưu được

Câu 4. Khi làm việc với HeidiSQL, nếu bạn thấy giao diện bằng tiếng Anh nhưng muốn chuyển sang tiếng Việt, bạn cần làm gì?

- A. Thay đổi ngôn ngữ của hệ điều hành
 B. Thiết lập ngôn ngữ trong mục Tools/Preference/General
 C. Tải bản cập nhật mới nhất
 D. Cài đặt lại HeidiSQL

Câu 5. Khi tạo bảng "nhacsi", vì sao cần loại bỏ đánh dấu ALLOW NULL cho trường "idNhacsi"?

- A. Để giá trị không thể trùng lặp
 B. Để giảm dung lượng lưu trữ
 C. Để khóa giá trị mặc định
 D. Để giá trị không thể trống

Câu 6. Tại sao cần chọn AUTO_INCREMENT cho trường "idNhacsi"?

- A. Để đặt giá trị mặc định
 B. Để tránh giá trị NULL
 C. Để giá trị trường tự động tăng
 D. Để bảo vệ dữ liệu

Câu 7. MySQL là hệ quản trị cơ sở dữ liệu thuộc loại nào?

- A. Không hỗ trợ quản trị CSDL lớn
 B. Mã nguồn mở và miễn phí
 C. Trả phí bản quyền
 D. Được phát triển bởi Microsoft

Câu 8. Trường **tenBannhac** trong bảng **bannhac** có giá trị kiểu dữ liệu nào?

bannhac		
IdBannhac	tenBannhac	IdNhacsi
1	Du kích sông Thao	1
2	Trường ca sông Lô	2
3	Tình ca	3
4	Xa khơi	4

A. INT B. BOOLEAN C. VARCHAR(255) D. DATE

Câu 9. Phần mềm nào sau đây giúp kết nối và làm việc với hệ QTCSDDL MySQL?

A. Word B. Photoshop C. Excel D. HeidiSQL

Câu 10. Khi tạo trường "tenNhacsi", giá trị mặc định của trường này là gì?

A. NULL B. " C. 0 D. "Unknown"

Câu 11. Lý do chính để chuyển từ quản lý dữ liệu thủ công sang quản trị cơ sở dữ liệu trên máy tính là gì?

- A. Để tăng hiệu quả và độ chính xác trong quản lý dữ liệu
- B. Để giảm bớt số lượng dữ liệu cần quản lý
- C. Để phù hợp với xu hướng công nghệ mới
- D. Để giảm chi phí thuê nhân viên

Câu 12. Lợi ích chính của việc sử dụng hệ quản trị cơ sở dữ liệu (QTCSDDL) trên máy tính so với quản lý dữ liệu thủ công là gì?

- A. Tốn ít công sức và dễ kiểm soát hơn
- B. Chi tốn thời gian hơn
- C. Không có sự khác biệt lớn
- D. Khó kiểm soát hơn

Câu 13. Khi chọn kiểu dữ liệu VARCHAR cho "tenNhacsi", điều này có nghĩa gì?

- A. Trường sẽ chứa các số nguyên
- B. Trường sẽ chứa các ký tự văn bản
- C. Trường sẽ chứa các ngày tháng
- D. Trường sẽ chứa các giá trị boolean

Câu 14. Trong bảng **banthuum**, trường idCasi là khóa ngoài tham chiếu đến bảng nào?

bannhac		
IdBannhac	tenBannhac	IdNhacsi
1	Du kích sông Thao	1
2	Trường ca sông Lô	2
3	Tình ca	3
4	Xa khơi	4

nhacsi	
idNhacsi	tenNhacsi
1	Đỗ Nhuận
2	Văn Cao
3	Hoàng Việt
4	Nguyễn Tài Tuệ

casi	
idCasi	tenCasi
1	Trần Khánh
2	Lê Dung
3	Tân Nhân
4	Quốc Hương
5	Doãn Tấn

banthuum		
IdBanthuum	idBannhac	idCasi
1	1	5
2	2	2
3	3	1
4	4	3
5	5	4

A. casi B. nhacsi C. banthuum D. bannhac

Câu 15. Để ấn định khóa chính thì ta thực hiện?

- A. Chọn Create new index -> Fulltext
- B. Chọn Create new index -> Primary
- C. Chọn Create new index -> Unique
- D. Chọn Create new index -> Key

Câu 16. Khi chọn nhầm trường làm khoá chính, bạn phải làm gì để sửa lại?

- A. Xóa trường nhầm và tạo lại
- B. Chọn lại đúng trường cần làm khóa chính
- C. Xóa bảng và tạo lại

D. Khởi động lại phần mềm

PHẦN II. CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM ĐÚNG/SAI (3 điểm)

Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 4. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai.

Câu 1. Dựa vào các kiến thức đã học về lợi ích của việc quản trị cơ sở dữ liệu trên máy tính. Các phát biểu sau là Đúng (Đ) hoặc Sai (S)?

- a) Ngày nay, việc quản trị cơ sở dữ liệu trên máy tính đã trở thành phương thức phổ biến trong hầu hết các lĩnh vực kinh tế - xã hội.
- b) Việc quản lý dữ liệu thủ công dễ dàng kiểm soát hơn so với việc sử dụng hệ quản trị cơ sở dữ liệu trên máy tính.
- c) Quản trị cơ sở dữ liệu trên máy tính giúp giảm thiểu công sức quản lý dữ liệu so với quản lý thủ công.
- d) Các hệ quản trị cơ sở dữ liệu như MySQL không phù hợp cho các bài toán quản trị dữ liệu lớn.

Câu 2. Dựa vào các kiến thức đã học về hệ quản trị cơ sở dữ liệu MySQL và phần mềm HeidiSQL. Đánh dấu Đúng (Đ) hoặc Sai (S) cho mỗi phát biểu sau đây:

- a) MySQL là một hệ quản trị cơ sở dữ liệu mã nguồn mở, miễn phí và được sử dụng phổ biến.
- b) HeidiSQL chỉ hỗ trợ kết nối và làm việc với hệ quản trị cơ sở dữ liệu MySQL.
- c) Sau khi cài đặt MySQL, việc nhập mật khẩu cho tài khoản Root là không cần thiết.
- d) HeidiSQL có hỗ trợ giao diện ngôn ngữ tiếng Việt, giúp người dùng Việt Nam dễ dàng sử dụng.

Câu 3. Khi khai báo các trường trong bảng bannhac, các thao tác dưới đây có đúng không?

bannhac		
idBannhac	tenBannhac	idNhacsi
1	Du kích sông Thao	1
2	Trường ca sông Lô	2
3	Tình ca	3
4	Xa khơi	4

nhacsi	
idNhacsi	tenNhacsi
1	Đỗ Nhuận
2	Văn Cao
3	Hoàng Việt
4	Nguyễn Tài Tuệ

- a) Trường tenBannhac được khai báo là kiểu INT.
- b) Trường idNhacsi được tham chiếu đến bảng nhacsi.
- c) Trường idBannhac có giá trị mặc định là AUTO_INCREMENT.
- d) Khóa ngoài idNhacsi được khai báo trong bảng bannhac.

PHẦN III. TỰ LUẬN (3 điểm)

Câu 1: Trình bày ưu điểm và nhược điểm của hệ quản trị CSDL MySQL?

Câu 2: Nêu vai trò của khoá chính và khoá ngoài trong các bảng của một CSDL? Lấy ví dụ minh họa?

Câu 3: Trình bày các bước thao tác trên phần mềm HeidiSQL để:

- a. Tạo CSDL mymusic
- b. Trong CSDL này tạo bảng nhacsi có cấu trúc như sau:
nhacsi (idNhacsi, tenNhacsi).